

Số: 155 /KH-MNDT

Hùng Châu, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025-2026

I. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ quyết định số 50/2017 ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức tại các cơ sở y tế công lập.

Căn cứ Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLDTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của NĐ số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ nghị định 91/2017/LĐ-CP ngày 31/7/2017 của chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua khen thưởng.

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 về điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT/BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 16/2018/TT.BGD&ĐT ngày 3/8/2018 quy định về tài trợ các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung điều 2 nghị quyết số 31/2020/ NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/09/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm học 2025-2026.

Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/09/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND huyện Diễn Châu về việc giao quyền tự chủ về tài chính cho các cơ quan quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập

Công văn số: 701/UBND-VHXH của UBND xã Hùng Châu ngày 15/09/2025 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025 - 2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa xã Hùng Châu.

II. MỤC ĐÍCH

1. Sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả đảm bảo các nguyên tắc tài chính theo quy định.
2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động; Nâng cao chất lượng giáo dục.
3. Huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.
4. Xây dựng tập thể đoàn kết.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt đối với GV hợp đồng.

2. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

3. Thực hiện việc XDCSVC, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.

4. Huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

5. Quản lý tài sản nhà trường.

6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt đối với giáo viên nhân viên hợp đồng:

Giải pháp:

- Kí hợp đồng lao động với các giáo viên hợp đồng, trả lương theo quy định.
- Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động.
- Giáo viên được hưởng các chế độ phúc lợi xã hội: thăm hỏi lúc ốm đau, gia đình có việc vui buồn.
- Phối hợp với công đoàn bộ phận trong công việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên của đơn vị.

2. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

Giải pháp:

- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm năm trước .
- Xây dựng triển khai nghiêm túc kế hoạch ngân sách được giao. Giải quyết kịp thời những vướng mắc trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước trong quá trình thay đổi cơ chế quản lý tài chính.
- Lập dự toán, kế hoạch thu, kế hoạch chi theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.
- Hợp BLĐ mở rộng, họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhằm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ một cách minh bạch, công khai .
- Báo cáo phòng Tài chính - kế hoạch, SGD&ĐT kế hoạch thu chi.
- 100% các nguồn thu-chi được kiểm soát qua kho bạc nhà nước.
- Triển khai kịp thời các chính sách mới của Nhà nước
- 100% CB-GV-NV được hướng dẫn về chế độ chứng từ kế toán và yêu cầu chấp hành đúng quy trình tạm ứng và thanh quyết toán.

- Cuối tháng yêu cầu các bộ phận có liên quan chuyển chứng từ, tờ kê, dự trù kinh phí.

- Quyết toán công khai các khoản thu - chi, kết hợp với trường ban thanh tra nhân dân kiểm tra theo đúng kế hoạch.

- Tài liệu kế toán lưu trữ phải được bảo quản theo pháp luật hiện hành của Nhà nước về bảo vệ tài liệu lưu trữ và theo quy định. Tài liệu kế toán lưu trữ phải được bảo quản trong kho lưu trữ của đơn vị. Kho lưu trữ phải có đủ trang bị, thiết bị bảo quản và các điều kiện bảo đảm sự an toàn tài liệu kế toán lưu trữ, như: giá, tủ, phương tiện phòng chống hoả hoạn; chống ẩm, mốc; chống lũ lụt, mối, chuột cắn...

3. Thực hiện việc XD CSVC, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học

Giải pháp:

- Rà soát, kiểm kê lại cơ sở vật chất, thiết bị trong nhà trường, nhập tình trạng CSVC, thiết bị vào sổ tài sản.

- Đầu năm xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho chuyên môn, thư viện, y tế, thiết bị trường học, cơ sở vật chất, đoàn đội và các nguồn chi khác.

- Tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng để phê duyệt cho các bộ phận có liên quan để thực.

- Quản lý, theo dõi kịp thời điều chỉnh nguồn kinh phí sao cho phù hợp để tăng cường CSVC, lên kế hoạch mua sắm báo cáo cấp trên.

- Tham mưu với lãnh đạo trường những nội dung cơ bản trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng vật tư, trang thiết bị

- Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

Giải pháp:

- Báo cáo Sở giáo dục và đào tạo về việc vận động xã hội hoá của nhà trường.

- Tham mưu với Sở giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai vận động thu xã hội hoá

- Hợp chi bộ, trung tâm nhà trường xây dựng kế hoạch.

- Hợp Ban thường trực cha mẹ học sinh xin ý kiến.

- Triển khai kế hoạch tới Ban đại diện CMHS các lớp và triển khai tới từng phụ huynh học sinh trong nhà trường.

- Tổng hợp báo cáo cấp trên.

- Xây dựng các nguồn thu của PHHS trên nguyên tắc đóng góp tự nguyện và các khoản thu trong nhà trường

- Triển khai kế hoạch tới Ban đại diện CMHS các lớp và triển khai tới từng phụ huynh học sinh trong nhà trường.

- Tổng hợp báo cáo cấp trên.

- Xây dựng các nguồn thu của PHHS trên nguyên tắc đóng góp tự nguyện và các khoản thu trong nhà trường

- Kêu gọi sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, địa phương, dân cư ban ngành cơ quan đoàn thể trong khu vực.

5. Quản lý tài sản nhà trường.

Giải pháp:

- Rà soát lại tài sản trong trường, phân loại và lập sổ theo dõi tình trạng các loại tài sản.

- Phân công cán bộ phụ trách, báo cáo BGH khi tài sản không còn sử dụng được và tiến hành thanh lý theo quy định.

- Tiến hành sửa chữa tu bổ tài sản trong nhà trường đặc biệt chú trọng đến các phòng học bộ môn.

- Kết hợp với bảo vệ đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong nhà trường.

- Cuối năm kiểm kê đánh giá lại tài sản.

6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Giải pháp:

- Nâng cao nhận thức trong việc thực hành tiết kiệm khi sử dụng kinh phí cho cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường.

- Lập dự toán sát với thực tế. Dự toán chi được xây dựng xuất phát từ nhu cầu thực tế của các hoạt động trong năm: nguồn nhân lực, vật lực cần huy động, kinh phí..., từ các bộ phận phụ trách các công việc. Kế toán tổng hợp lập dự toán.

- Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kinh phí đảm bảo cho các hoạt động diễn ra đúng kế hoạch.

V. KẾ HOẠCH THU – CHI

1. Kế hoạch thu: (Đơn vị tính: 1.000đ)

STT	Khoản thu	Mức thu/HS/năm	Sĩ số học sinh	Dự kiến số tiền phải thu	Dự kiến Miễn giảm, thất thu	Tổng số tiền thực thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Ngân sách NN					6.900.000	Quyết định giao dự toán của Phòng TC-KH năm 2025, dự toán KP năm 2026

2	Thu cấp bù Học phí	900	437	393.300		393.300	Công văn số 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025)
3	Tiền ăn bán trú (22.000đ/ ngày)	3.960	398	1.576.080		1.576.080	-Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An - Căn cứ vào kế hoạch thỏa thuận với phụ huynh về công tác bán trú
4	Chi phí phục vụ tổ chức bán trú (120.000 đ/ tháng)	1.080	437	471.960		471.960	Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An; NQ 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020
5	Mua sắm vật dụng dùng chung cho bán trú (Học sinh đầu cấp 160.000 đ/ năm; Học sinh cũ 110.000 đ/ năm học)	160/ trẻ mới tuyển và 110/ trẻ cũ	437	55.320		55.320	Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An; NQ 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; NQ 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/07/2022
6	Vận động tài trợ (Tự nguyện)	Tự nguyện	420	152.288		152.288	Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT; Công văn

2. Kế hoạch chi:

(Có phụ lục kèm theo)

VI. KẾ HOẠCH MUA SẴM, SỬA CHỮA TÀI SẢN, CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN	KINH PHÍ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
I	NGUỒN VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ TỪ PHỤ HUYNH HỌC SINH	152.288.000	
1	Bể câu cá bao gồm cả phụ kiện	14.800.000	1Cái
2	Bể chơi với cát và nước	6.210.000	1Cái
3	Tivi phòng học các lớp	31.200.000	4 cái
4	Tủ cá nhân lớp học	7.900.000	2 cái
5	Chăn màn chiếu (Tủ cá nhân lớp học MTC)	4.200.000	1Cái
6	Quạt tường phòng ngủ nhà trẻ	880.000	2 cái
7	Quạt cây nhà Vận động	6.900.000	3 cái
8	Giá để đồ chơi và học liệu	23.400.000	13cái
9	Ipat phục vụ CNTT	10.000.000	1Cái
10	Rèm che nắng hiên sau phòng học lớp NT A(nhà phía Nam); Nhỡ B phía Bắc	9.398.000	50,8
11	Biểu bảng các chủ đề năm học	20.800.000	52 cái
12	Biển bảng trang trí sân trường theo sự kiện và ngày lễ	6.800.000	8 cái
13	Giá hoa ngoài sân chơi	9.800.000	4 cái
II	NGUỒN TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA VÀ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ NGÂN SÁCH CẤP	120.000.000	
1	Chi mua sắm dụng cụ VP, VPP, đồ dùng vệ sinh chung	15 000 000	
2	Tu sửa hệ thống đường điện, nước, thiết bị vệ sinh, xử lý thông tắc hệ	20.000.000	

	thống nhà vệ sinh các phòng làm việc		
3	Chi nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính, đường mạng, duy trì các phần mềm quản lý trong nhà trường; sửa chữa nâng cấp hệ thống thiết bị ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý tại các phòng ban	35.000 000	
4	Tu sửa hệ thống đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	10 000 000	
5	Chi mua sắm vật tư chuyên môn, thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ công tác chuyên môn	25 000 000	
6	Tu sửa các hạng mục nhỏ bị hư hỏng xuống cấp (gạch lát nền phòng học nhà 2 tầng, trần nhà phòng học lớp lớn, phòng âm nhạc...)	15.000.000	
III	NGUỒN HỌC PHÍ	106.948 000	
1	Mua bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học các nhóm lớp còn thiếu theo quy định	70.448.000	
2	Sửa chữa hệ thống thiết bị tin học, tivi, máy tính, đường mạng internet các lớp học	11.500.000	
3	Tu sửa, nâng cấp hệ thống đường điện, nước, thiết bị vệ sinh, xử lý thông tắc hệ thống nhà vệ sinh các phòng học của học sinh	25.000:000	
IV	NGUỒN THU PHỤC VỤ BÁN TRÚ (Mua sắm đồ dùng bán trú)	54.575.000	ĐVT (Cái
1	Xoong I noc 22 cm đựng thức ăn	640.000	2 Cái

2	Xoong I noc 30 cm đựng cơm canh	1.380.000	2 cái
3	Thìa inox	3.000.000	250 Cái
4	Bát inox	5.600.000	200
5	Cốc uống nước	962.000	37
6	Thớt	540.000	2
7	Cây mài dao	120.000	2
8	Gáo inox	110.000	2
9	Đầy nước	335.000	5
10	Nùi rửa bát, chà nồi sắt	240.000	2
11	Phản nằm ngủ của trẻ	17.490.000	33
12	Chiếu nhựa 120 cm	4.816.000	56
13	Giá để dày dếp	2.750.000	5
14	Thùng rác công cộng	700.000	5
15	Giá phơi khăn	850.000	1
16	Giá bình ủ -chân bom	250.000	1
17	Bình ủ nước 10 lít (2 lớp)	1.900.000	1
18	Tủ cốc	3.600.000	3
19	Xô nhựa	310.000	5
20	Chậu nhựa	406.000	7

21	Chăn len dày	2.502.500	13
22	Chổi quét nhà	1.710.000	38
23	Chổi lau nhà đa năng hăng HOMEINNO	2.046.000	11
24	Bông chổi lau nhà đa năng HOMEINNO	540.000	9
25	Chổi cước	407.000	11
26	Chổi chà bồn cầu	80.000	4
27	Tải chùi chân	106.000	2
28	Xúc rác	165.000	5
29	Khăn lau tay thổ cẩm (D70cm, rộng 30cm)	660.000	33
30	Khăn trải bàn vuông (D1,6, R1,6 m - màu đỏ)	360.000	6
	TỔNG	433.811.000	

V. CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI CỤ THỂ

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện		Người lên dự trù	Người duyệt	Người phối hợp
		Bắt đầu	Hoàn thành			
1	Mua sắm đồ dùng phục vụ công tác bán trú	Tháng 9	Tháng 10	Hồ Thị Thúy	Phạm Thị Lệ Thủy	Hồ Thị Thúy, Trần Thị Như Lệ
2	Mua sắm vật tư phục vụ công tác bán trú hàng tháng	Ngày 01 hàng tháng		Nguyễn Thị Hiền	Phạm Thị Lệ Thủy	Hồ Thị Thúy, Trần Thị Như Lệ
3	Sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị phục vụ công tác chuyên môn và dạy học	Tháng 9	Tháng 11	Hồ Thị Thúy	Phạm Thị Lệ Thủy	Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị Như Lệ

4	Mua sắm thiết bị đồ dùng, làm mái che nắng từ nguồn vận động tài trợ	Sau khi công khai kế hoạch sử dụng VĐTT	Sau khi kết thúc công tác VĐTT	Hồ Thị Thủy	Phạm Thị Lệ Thủy	Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị Như Lệ
---	--	---	--------------------------------	-------------	------------------	----------------------------------

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Các tổ CM, bộ phận;
- Website;
- Lưu: VT.



Số: 157 KH-MNDT

Hùng Châu, Ngày 15 tháng 9 năm 2025

DỰ TOÁN THU CHI NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP, NĂM HỌC 2025- 2026

Thực hiện công khai các khoản thu chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và TT số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo

Căn cứ số dự toán kho bạc NN đến ngày 31/07/2025 và dự toán ngân sách năm 2026

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 22/03/2023 về việc giao quyền tự chủ về tài chính

Trường Mầm non Diễn Trường xin báo cáo dự toán thu chi nguồn ngân sách cấp năm học 2025-2026 như sau:

TT	Nội dung thực hiện	Số tiền	Ghi chú
A	PHẦN THU DỰ KIẾN	6941 839 000	
1	Ngân sách NN cấp còn lại từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2025	2988 294 800	Số dự toán ngân sách cấp tại Kho bạc nhà nước tính đến ngày 31/7/2025
2	Dự kiến Ngân sách cấp từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2026	3953 544 200	
B	PHẦN CHI DỰ KIẾN	6941 839 000	
I	Chi từ nguồn ngân sách cấp (Nguồn tự chủ -13)	6501 425 000	
1	Chi trả lương, phụ cấp cho CBGV	4872 000 000	
2	Chi nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1260 000 000	
3	Chi thanh toán tiền điện thấp sáng	42 000 000	
4	Chi thanh toán tiền mạng internet, báo	6 600 000	
5	Chi mua sắm dụng cụ VP, VPP, đồ dùng vệ sinh	15 000 000	
6	Chi hội nghị năm học	9 000 000	
7	Chi công tác phí tập huấn, CTP khoán	31 800 000	
8	Chi thuê khoán công lao động theo hợp đồng giao khoán	15 000 000	
9	Tu sửa hệ thống đường điện, nước, thiết bị vệ sinh, xử lý thông tắc hệ thống nhà vệ sinh các phòng làm việc	20.000.000	

10	Chi nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính, đường mạng, duy trì các phần mềm quản lý trong nhà trường ; sửa chữa nâng cấp hệ thống thiết bị ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý tại các phòng ban	35 000 000	
11	Tu sửa hệ thống đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	10 000 000	
12	Tu sửa các hạng mục nhỏ bị hư hỏng xuống cấp (gạch lát nền phòng học nhà 2 tầng, trần nhà phòng học lớp lớn, phòng âm nhạc...)	15 000 000	
13	Chi tổ chức các hoạt động chuyên môn	25 000 000	
14	Chi các nội dung khác: như tiếp khách, tiền chè nước...	25 025 000	
15	Trích lập quỹ thu nhập tăng thêm, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ phát triển sự nghiệp	120 000 000	
II	Chi từ nguồn ngân sách cấp (Nguồn không tự chủ -12)	130 472 000	
1	Chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách	81 332 000	
2	Chi khen thưởng các danh hiệu thi đua năm học 2025-2026	49 140 000	
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp (Nguồn tiền thưởng theo NDD73/2024/NĐ-CP - nguồn 18)	309 942 000	
1	Thưởng đột xuất	61 988 400	
2	Thưởng định kỳ	247 953 600	

Hùng Châu, ngày 15 tháng 9 năm 2025

KÊ TOÁN



Trần Thị Như Lệ

PHỤ TRÁCH CSVC



Hồ Thị Thúy



Phạm Thị Lệ Thủy

DỰ TOÁN KINH PHÍ VĐT NĂM HỌC 2025-2026

Nguồn: Vận động tài trợ

- Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT
- Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm học 2025-2026
- Trên cơ sở nhu cầu thực tế của nhà trường và thống nhất trong Hội đồng nhà trường; đề xuất của Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường MN Diễn Trường xây dựng kế hoạch vận động và sử dụng nguồn tài trợ như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá dự tính	Số tiền
A	Nhu cầu kinh phí để triển khai				152.288.000
1	Bể câu cá bao gồm cả phụ kiện	Cái	1	14.800.000	14.800.000
2	Bể chơi với cát và nước	Cái	1	6.210.000	6.210.000
3	Tivi phòng học các lớp	Cái	4	7.800.000	31.200.000
4	Tủ cá nhân	Cái	2	3.950.000	7.900.000
5	Chăn màn chiếu	Cái	1	4.200.000	4.200.000
6	Quạt tường	Cái	2	440.000	880.000
7	Quạt cây nhà Vận động	Cái	3	2.300.000	6.900.000
8	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	13	1.800.000	23.400.000
9	Ipac phục vụ CNTT	Cái	1	10.000.000	10.000.000
11	Rèm che nắng hiên sau phòng học lớp NT A(nhà phía Nam); Nhỡ B phía Bắc	m2	50,8	185.000	9.398.000
12	Biểu bảng các chủ đề năm học	Cái	52	400.000	20.800.000
13	Biển bảng trang trí sân trường theo sự kiện và ngày lễ	Cái	8	850.000	6.800.000
14	Giá hoa ngoài sân chơi	Cái	4	2.450.000	9.800.000
B	Kinh phí năm trước chuyển sang				0
C	Kế hoạch kinh phí vận động				

KẾ TOÁN

Trần Thị Như Lệ

PHÓ HT CSVC

Hồ Thị Thúy

HỘI PHỤ HUYNH

Chu Song Hào

Ngày 10 tháng 9 năm 2025



Phạm Thị Lệ Thủy

UBND XÃ HÙNG CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN TRƯỜNG

KẾ HOẠCH THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN CẤP BÙ HỌC PHÍ NĂM HỌC 2025-2026

I Phân thu:

- Tất cả học sinh mầm non được miễn học phí theo cơ chế miễn giảm quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ)

- Dự kiến cấp bù theo Nghị quyết của HĐND Tỉnh Nghệ An

- Số học sinh tại thời điểm tháng 9-2025	437
- Dự kiến mức cấp bù học phí /học sinh/tháng	100.000
- Số tháng dự kiến học:	9
- Dự kiến số thu cấp bù học phí cả năm học:	393.300.000

II Phân kế hoạch sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung dự kiến thực hiện từ nguồn học phí	Số tiền
1	Trích nộp 40% HP tham gia trả lương cho cán bộ, giáo viên biên chế năm học 2023-20	157 320 000
2	Chi các hoạt động chuyên môn. Trong đó:	129 032 000
2.2	Chi trả lương nhân viên y tế hợp đồng trường (1 NV x 5.000.000 đ/ tháng x 9 tháng)	45 000 000
2.3	Chi trả lương nhân viên bảo vệ (1 NV x 4.200.000 đ/ tháng x 9 tháng)	50 400 000
2.4	Kinh phí tổ chức các hoạt động chuyên môn	33 632 000
3	Chi tăng cường cơ sở vật chất . Trong đó:	106 948 000
3.1	Mua bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học các nhóm lớp còn thiếu theo quy định	70 448 000
3.2	Tu sửa, nâng cấp hệ thống đường điện, nước, thiết bị vệ sinh, xử lý thông tắc hệ thống nhà vệ sinh các phòng học của học sinh	11 500 000
3.3	Sửa chữa hệ thống thiết bị tin học, tivi, máy tính, đường mạng internet các lớp học	25.000.000
	Tổng cộng	393 300 000

Diễn Trường, ngày 15 tháng 9 năm 2025

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN

TRƯỞNG BAN THANH TRA

KẾ TOÁN

Hồ Thị Thúy

Hồ Thị Thu Hiền

Trần Thị Như Lệ



Phạm Thị Lệ Thủy

(DỰ THẢO)

Hùng Châu, ngày 15 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ Hoạt động giáo dục
Năm học 2025-2026

I. Các căn cứ pháp lý;

Căn cứ thông tư số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BVH Ngày 16/3/2015 của Bộ giáo dục và đào tạo bộ nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non Công lập;

Căn cứ Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố;

Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT quy định về công tác Y tế trường học;

Công văn số 5584/BGDĐT-KHTC ngày 23/8/2011 của Bộ GD&ĐT về việc tiếp tục chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày ngày 13 tháng 12 năm 2020 về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày ngày 14 tháng 07 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung điều 2 nghị quyết số 31/2020/ NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Công văn số: 2566/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm học 2025-2026;

Căn cứ vào hiện trạng đội ngũ, CSVC nhà trường, tình hình thực tế về công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ năm học 2025-2026 Trường mầm non Diễn Trường xây dựng kế hoạch thỏa thuận thu, chi kinh phí phục vụ tổ chức bán trú của đơn vị cụ thể như sau:

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tình hình thực tế năm học 2025-2026

Trường Mầm non Diễn Trường có diện tích 6000 m², hiện có 22 phòng học/ 14 lớp học, có 1 bếp ăn đảm bảo diện tích và hiện đại. Trường có 5 phòng hành chính, có 4 lớp học 5-6 tuổi đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định, có 10 nhóm lớp dưới 5

tuổi cơ bản đảm bảo tối thiểu. Hiện tại trường huy động 437 học sinh. Trong nhóm trẻ có 85 cháu và 12 lớp mẫu giáo là 352 cháu.

Đội ngũ cán bộ GV, NV hiện có 28 người. Trong đó. Cán bộ quản lý: 3; 22 giáo viên; nhân viên 1. Nhu cầu cần 8 nhân viên nuôi dưỡng và 1 nhân viên bảo vệ.

1.1. Thuận lợi:

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời và thường xuyên của các cấp và sự phối hợp chặt chẽ của PGD &ĐT, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp khá đồng bộ từ phía phụ huynh.

Phụ huynh thực sự có nhu cầu bán trú và quan tâm chăm lo đến chất lượng chăm sóc giáo dục, có nhận thức cao về giáo dục. Việc thực hiện thu thỏa thuận, TCBT đã được thực hiện từ nhiều năm.

Nhà trường có điều kiện CSVC, phòng học, bếp ăn đảm bảo yêu cầu khi tổ chức bán trú.

Tổng số trẻ ăn bán trú hàng năm đạt tỉ lệ 100%.

CSVC phục vụ cho công tác bán trú của trường ngày càng được cải thiện, bổ sung tương đối đầy đủ. Có bếp ăn thiết kế thiết kế theo quy trình một chiều, hiện đại, cơ bản đủ trang thiết bị.

Tập thể CB, GV, NV nhà trường có ý thức và nhiệt tình trong công tác tổ chức bán trú cho trẻ. Đội ngũ giáo viên, nhân viên cấp dưỡng yêu nghề mến trẻ, có tâm huyết với nghề, có trình độ CM vững vàng.

Nhà trường có nguồn cung cấp thực phẩm đảm bảo chất lượng.

1.2. Khó khăn:

Nhà trường hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng từ kinh phí được thỏa thuận với cha mẹ học sinh. Một số đồ dùng bán trú hư hỏng, xuống cấp và thiếu cần nâng cấp, bổ sung như dao, thớt, khay inox ăn cơm, cân chia thức ăn, máy xay sinh tố, nồi cơm điện...

Nhà trường đã có hệ thống giếng khoan 80m, tuy nhiên nguồn nước chưa đảm bảo cần phải lắp thêm hệ thống lọc nước sinh hoạt phục vụ các cháu ăn nghỉ tại trường. Nhà trường tận dụng bể phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống đường ống lấy nước mưa từ dãy nhà học phía nam giáp trường tiểu học để phục vụ nước ăn vào mùa có mưa, còn những tháng không có nước mưa thì sẽ mua nước nhà máy.

1.3. Đối tượng thực hiện: Tất cả phụ huynh trong nhà trường

1.4. Đối tượng hưởng lợi: Tất cả học sinh trong nhà trường

1.5. Nguyên tắc thực hiện:

Tổ chức bán trú trong trường mầm non Diễn Trường theo nguyên tắc phụ huynh tự nguyện tham gia và thỏa thuận mức đóng góp.

Thực hiện thỏa thuận trên tinh thần vì học sinh và khả năng đóng góp của phụ huynh theo nguyên tắc thu đủ bì chi, không vì mục đích thương mại: Nội dung và

định mức xây dựng phải chi tiết, cụ thể, công khai cho phụ huynh được bàn bạc thống nhất thỏa thuận mức đóng góp và được quy định cụ thể, chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường để làm căn cứ thực hiện.

2. Báo cáo tình hình thực hiện công tác thu thỏa thuận với phụ huynh, năm học 2024 - 2025:

Trong năm học có 450 em

Trong đó có: **450** phụ huynh tham gia thực hiện công tác bán trú và thống nhất các mức đóng góp theo thỏa thuận như sau:

2.1 Tiền ăn:

Mức tiền ăn 20.000 đồng/ trẻ/ ngày

Tổng số suất ăn: 64.714

Tổng số tiền đã thu: 1.294.280.000 đồng

Tổng số tiền đã chi: 1.294.280.000. Trong đó:

+ Tiền chất đốt: 60.913.000 đồng

+ Tiền thực phẩm: 1.233.367.000 đồng

2.2 Tiền chi phí bán trú

Mức thu theo thỏa thuận là 117.000 đồng/ trẻ/ tháng.

Tổng thu tiền chi phí bán trú thu được: 478.998.000 đồng

Tổng tiền đã chi: 478.998.000 đồng, Bao gồm các nội dung sau:

- Chi trả tiền nhân viên nuôi dưỡng: 367.200.000 đồng
(Mức tiền công nhân viên nuôi dưỡng 4.500.000 đồng/ tháng/ người)
- Chi mua dụng cụ, đồ dùng phục vụ bán trú tại lớp: 71.578.000 đồng
- Chi mua nước uống phục vụ bán trú: 27.720.000 đồng
- Chi trả tiền điện tăng thêm do bán trú: 12.500.000 đồng

2.3 Tiền mua sắm bổ sung đồ dùng chung phục vụ công tác bán trú:

Mức thu theo thỏa thuận :

+Học sinh tuyển mới: 150.000 đồng/học sinh/ năm học;

+Học sinh tuyển cũ: 100.000 đồng/học sinh/ năm học;

Tổng thu tiền đã thu: 48.600.000 đồng

Tổng thu tiền đã chi: 48.600.000 gồm các nội dung sau:

Mua bổ sung các đồ dùng tại các nhóm lớp và nhà bếp như: bát, xoong, nồi, rổ rá, cốc, chần, chiếu.... (có bảng kê chi tiết kèm theo)

2. Các nội dung thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

Đối tượng thực hiện: Tất cả phụ huynh trong nhà trường

Đối tượng hưởng lợi: Tất cả học sinh trong nhà trường.

Số tháng thực hiện: 9 tháng trong năm học

Nguyên tắc thực hiện: Tổ chức bán trú trong trường mầm non Diễn Trường theo nguyên tắc phụ huynh tự nguyện tham gia và thỏa thuận mức đóng góp.

Thực hiện thỏa thuận trên tinh thần vì học sinh và khả năng đóng góp của phụ huynh theo nguyên tắc thu đủ bù chi, không vì mục đích thương mại: Nội dung và định mức xây dựng phải chi tiết, cụ thể, công khai cho phụ huynh được bàn bạc thống nhất thỏa thuận mức đóng góp và được quy định cụ thể, chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường để làm căn cứ thực hiện

2.1.1. Thu tiền ăn bán trú của trẻ:

- Căn cứ vào giá cả thị trường trên địa bàn và nhu cầu dinh dưỡng đảm bảo cho trẻ theo quy định nhà trường dự kiến mức tiền ăn: 22.000 đồng/ngày/trẻ (dự kiến từ tháng 10)

- Tiền ăn thu theo tháng, thu theo số ngày ăn thực tế trong tháng.

+ Toàn bộ số tiền thu được nộp vào ngân hàng - nơi đơn vị mở tài khoản.

+ Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm ăn của giáo viên chủ nhiệm các lớp, nhà trường quyết toán tiền ăn thừa thiếu với phụ huynh để giảm trừ vào tháng sau.

+ Số tiền ăn hàng ngày được chi hết theo định mức đã thu và được cân đối giữa lượng và chất; được hoạch toán và công khai hàng ngày thông qua phần mềm quản lý bán trú theo quy định. Cuối tháng nhà trường căn cứ vào quyết toán tiền ăn từ phần mềm bán trú để thanh toán cho nhà cung cấp thực phẩm.

+ Cuối năm học, nhà trường quyết toán công khai tiền ăn với phụ huynh, lập danh sách trả lại tiền ăn thừa cho toàn thể phụ huynh.

Dự kiến chi:

+ Thực phẩm 1 bữa ăn chính và 1 bữa ăn phụ đối với trẻ mẫu giáo; Thực phẩm 2 bữa chính, 1 bữa phụ đối với trẻ nhà trẻ: 20.900 đồng/ trẻ/ ngày.

+ Chất đốt, chất tẩy rửa: 1100 đồng/ cháu/ ngày (sử dụng ga công nghiệp)

2.1.2. Chi phí phục vụ tổ chức bán trú:

+ Chi trả thuê khoán người nấu ăn:

Số người hợp đồng nấu ăn tại trường: tùy tình thực tế của nhà trường nhưng không vượt quá số người quy định tại Điều 6 TTLT số 06/2015/TTLT-BGD &ĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Theo đó, năm học 2025-2026 nhà trường có 85 trẻ nhà trẻ, 352 trẻ mẫu giáo, nhà trường hợp đồng 8 nhân viên nấu ăn.

Mức tiền công thuê người nấu ăn dự kiến: thỏa thuận giữa người lao động và hiệu trưởng nhà trường, đảm bảo không thấp hơn lương tối thiểu vùng do chính phủ quy định và phù hợp với mức đóng góp của nhân dân. Dự kiến mức lương thỏa

thuận là 5.000.000 đồng/ người/ tháng; và hỗ trợ cho người chịu trách nhiệm đơn độc, nhắc nhở nhân viên nhà bếp 300.000 đồng/ tháng. Tổng dự kiến tiền công cho nhân viên nấu ăn là 362.700.000 đồng.

+ Chi mua nước uống, nước ăn tăng thêm cho học sinh bán trú:

Thực hiện theo thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT quy định về công tác Y tế trường học, số nước uống mỗi học sinh theo quy định bình quân là 0,8 lít/ ngày. Nhà trường xây dựng kế hoạch nước uống tăng thêm cho học sinh do tổ chức bán trú là 0,335 lít nước/ học sinh/ 1 ngày học bán trú. Tổng dự kiến số tiền là 38.019.000 đồng

+ Chi mua các loại vật tư tiêu hao hàng ngày cho các cháu ăn nghỉ cả ngày tại lớp:

Căn cứ vào tình hình thực tế vật tư đã sử dụng năm học 2024-2025 và đề nghị của giáo viên chủ nhiệm các lớp, phụ trách các phòng chức năng về việc mua sắm tem dán lưu mẫu thức ăn, giấy vệ sinh, xà phòng rửa tay, xà phòng giặt, nước lau sàn, tẩy bồn vệ sinh, bột xử lý vệ sinh môi trường, xử lý thông tắc, găng tay vệ sinh, bao nilon đựng rác thải học sinh.... Tổng số tiền vật tư tiêu hao dự kiến: 57.625.000 đồng.

+ Chi trả tiền điện tăng thêm do tổ chức bán trú:

Căn cứ vào tình hình sử dụng điện sang cho công tác dạy học hàng tháng, nhà trường tính lượng điện tiêu thụ tăng thêm do tổ chức bán trú (dự kiến 1/3 lượng điện trong tháng). Dự kiến 550 kWh/ tháng x 2.500/ 1kWh x 9 tháng +10% thuế VAT = 13.616.000 đồng

Tổng số kinh phí dự kiến phục vụ tổ chức bán trú là 471.960.000 đồng. Như vậy dự kiến chi phí tổ chức bán trú tính cho mỗi học sinh/ tháng là = 471.960.000 đồng/ 437 học sinh/ 9 tháng = 120.000 đồng/ học sinh/ tháng.

+ Hình thức thu: thu theo tháng

+ Phương thức thu: Thực hiện phương thức không dùng tiền mặt (thu qua chuyển khoản ngân hàng)

2.1.3. Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú.

Căn cứ vào biên bản kiểm kê CSVC cuối năm học 2024-2025, biên bản khảo sát hiện trạng về cơ sở vật chất và đề nghị của bộ phận cơ sở vật chất đầu năm học 2025-2026 mua mới (do tăng 1 nhóm lớp Nhà trẻ) và bổ sung một số dụng cụ phục vụ nấu ăn như: thay nồi inox đựng thức ăn, cơm canh, mua thêm môi, thìa, dao, thớt...để đảm bảo an toàn vệ sinh; Bổ sung đồ dùng tại các nhóm lớp như: Tủ đựng cốc, bát, xô, chậu, chổi, xúc rác, khăn lau tay, chiếu, chăn, ...; Tổng dự kiến các nội dung này là 55.320.000 đồng/tổng số học sinh 437 em. Do vậy số tiền dự kiến thu thỏa thuận nội dung Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú 110.000 đồng/ học sinh/năm đối với học sinh đã học các năm học trước; 160.000 đồng/ học sinh/năm đối với học sinh tuyển mới năm học này.

+ Hình thức thu: thu 1 lần (sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt)

+ Phương thức thu: Thực hiện phương thức không dùng tiền mặt (thu qua chuyển khoản ngân hàng)

3. Thu thỏa thuận dạy tiếng anh tăng cường

2.1. Thu thỏa thuận dạy tiếng anh tăng cường

Kế hoạch kinh phí và thời gian học:

- Học phí tính theo tiết: 22.000 đ/tiết học là giáo viên người Việt Nam; 40.000 đ/tiết học là giáo viên người nước ngoài (Bao gồm cả tiền tài liệu)

- Kế hoạch thu: Thu theo kỳ (chia thành 2 kỳ, mỗi kỳ 35 tiết)

- Số học sinh dự kiến đăng ký học: 110 trẻ; Số tiết dự kiến học: 70 tiết

- Dự kiến thu: 110 cháu x 22.000 đ/ cháu/ tiết x 56 tiết + 110 cháu x 40.000 đ/ cháu/ tiết x 14 tiết = 197.120.000đ

- Dự kiến chi:

STT	Nội dung	Phương án chi	Dự kiến chi
1	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	5%	9.856.000
2	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	2%	3.942.400
3	Chi công tác tuyển sinh và cho trẻ vào học tiếng Anh của các Giáo viên chủ nhiệm lớp	8%	15.769.600
4	Chi công tác quản lý nhà trường	5%	9.856.000
5	Chi trả lương cho giáo viên trung tâm tiếng anh	80%	157.696.000
	Tổng chi	100%	197.120.000

2.2. Thu thỏa thuận dạy năng khiếu (Múa)

Kế hoạch kinh phí và thời gian học:

- Dự kiến cả khóa: 50 tiết, mỗi tuần 2 tiết

- Học phí: 16.000 đ/ tiết/ trẻ

- Số học sinh đăng ký học: 50 trẻ

- Dự kiến thu: 50 cháu x 16.000 đ/ trẻ/ tiết x 50 tiết = 40.000.000 đ

- Dự kiến chi:

STT	Nội dung	Phương án chi	Dự kiến chi
1	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	5%	2.000.000

2	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	2%	800.000
3	Chi công tác tuyển sinh và cho trẻ vào học múa của các Giáo viên chủ nhiệm lớp	8%	3.200.000
4	Chi công tác quản lí nhà trường	5%	2.000.000
5	Chi trả lương cho giáo viên trung tâm	80%	32.000.000
	Tổng chi	100%	40.000.000

Trên đây là kế hoạch thực hiện khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục học 2025-2026 của Trường Mầm non Diễn Trường. Kính trình và đề nghị Đảng ủy - HĐND - Ủy Ban nhân dân - Mặt trận tổ quốc - Các đoàn thể tổ chức xã hội đóng trên địa bàn xã Hùng Châu cho ý kiến để Hội phụ huynh và nhà trường có cơ sở thực hiện.

**BAN ĐẠI DIỆN CMHS
TRƯỜNG BAN**



Chu Song Hào

KẾ TOÁN



Trần Thị Như Lệ

ĐƠN VỊ

TRƯỜNG
TRƯỜNG
MẦM NON
DIỄN TRƯỜNG
PHẠM THỊ LỆ THỦY

PHÓ HT CHUYÊN MÔN



Hồ Thị Thúy

PHÓ HT PHỤ TRÁCH BÁN TRÚ



Nguyễn Thị Hiền

**BẢNG DỰ TOÁN THU, CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ HỖ TRỢ HGD
NĂM HỌC 2025-2026**

Năm học 2025-2026, trường Mầm non Diễn Trường có 437 học sinh / 15 nhóm lớp. Trong đó

+ Lớp Mẫu giáo 5 6 tuổi và nhóm lớp nhà trẻ: 7 lớp

+ Lớp Mẫu giáo 3, 4 tuổi và lớp MG 4,5 tuổi : 8 lớp

A. KINH PHÍ TỔ CHỨC BÁN TRÚ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

1. Tiền ăn của trẻ Mẫu giáo và Nhà trẻ:

TT	Nội dung dự kiến thu	Nội dung dự kiến chi	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền ăn của trẻ Mẫu giáo và Nhà trẻ : 22.000 đồng/ trẻ/ ngày	Tiền thực phẩm	20.900	
		Tiền chất đốt, dầu rửa	1.100	

2. Chi phí phục vụ tổ chức bán trú:

TT	Nội dung, diễn giải				Số tiền
	TỔNG CỘNG CÁC NỘI DUNG				471.960.000
I	Chi trả tiền công nhân viên nuôi dưỡng: 8 cô x 5.000.000 đồng/ tháng x 9 tháng + Hỗ trợ cô phụ trách nhà bếp: 1 cô x 300.000 đồng /tháng x 9 tháng				362.700.000
II	Chi phí vật tư tiêu hao phục vụ tổ chức bán trú:				109.260.000
1	Chi mua nước uống tăng thêm do tổ chức bán trú và nước nấu ăn				38.019.000
2	Chi thanh toán tiền điện tăng thêm do tổ chức bán trú				13.616.000
3	Chi phí vật tư phục vụ công tác bán trú:				57.625.000
TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
+	Giấy vệ sinh TPCO 3 lớp (Giấy xếp vuông)	Bịch	368	30.000	11.040.000
+	Xà phòng omo giặt chăn, chiếu, khăn VICO	0,75 kg	106	39.000	4.134.000
+	Nước lau kính dụng cụ, đồ dùng bán trú VICO	Chai 520g	76	30.000	2.280.000
+	Xà phòng rửa tay lifeboy cho học sinh tại lớp	Hộp	638	12.000	7.656.000
+	Bao nilon đựng rác thải học sinh (Bao đen đựng 30kg)	Cái	3075	1.200	3.690.000
+	Nước lau sàn nhà VICO đậm đặc	Lọ 900ml	173	30.000	5.190.000
+	Vim tẩy bồn cầu VICO tại phòng vệ sinh lớp	Lọ 700g	158	25.000	3.950.000
+	Găng tay chia thức ăn cho học sinh (Bao tay tiện lợi)	Hộp 50 đôi	140	11.000	1.540.000
+	Găng tay vệ sinh cho học sinh+ rửa bát (Thái Lan)	Đôi	138	37.000	5.106.000
+	Nước sát khuẩn tay dạng khô	Lít	54	86.000	4.644.000
+	Nước Javen Tẩy trắng	Lít	36	15.000	540.000
+	Men xử lý bồn cầu, bột thông tắc đường ống nước	Gói	216	30.000	6.480.000
+	Tem lưu mẫu thức ăn dán 2 mặt	Cái	2500	550	1.375.000

+ Tổng số kinh phí dự kiến phục vụ tổ chức bán trú là 471.960.000 đồng. Như vậy dự kiến chi phí tổ chức bán trú tính cho mỗi học sinh/ tháng là = 471.960.000 đồng/ 437 học sinh/ 9 tháng = 120.000 đồng/ học sinh/ tháng.

3. Chi phí mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú

3.1 BỔ SUNG ĐỒ DÙNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ SỬ DỤNG TẠI NHÀ BẾP:					
TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
+	Xoong I noc 22 cm đựng thức ăn	cái	2	320.000	640.000
+	Xoong I noc 30 cm đựng cơm canh	cái	2	690.000	1.380.000
+	Thìa inoc	cái	250	12.000	3.000.000
+	Bát inox	cái	200	28.000	5.600.000
+	Cốc uống nước	cái	37	26.000	962.000
+	Thớt	cái	2	270.000	540.000

+	Cây mài dao	cái	2	60.000	120.000
+	Gáo inox	cái	2	55.000	110.000
+	Đầy nước	cái	5	67.000	335.000

3.2. BỔ SUNG ĐỒ DÙNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ SỬ DỤNG TẠI NHÓM LỚP:

TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
+	Phân nằm ngủ của trẻ	Cái	33	530.000	17.490.000
+	Chiều nhựa 120 cm	Cái	56	86.000	4.816.000
+	Giá để dày dép	cái	5	550.000	2.750.000
+	Thùng rác công cộng	cái	5	140.000	700.000
+	Giá phơi khăn	cái	1	850.000	850.000
+	Giá bình ủ - chân bom	cái	1	250.000	250.000
+	Bình ủ nước 10 lít (2 lớp)	cái	1	1.900.000	1.900.000
+	Tủ cốc	cái	3	1.200.000	3.600.000
+	Xô nhựa	Cái	5	62.000	310.000
+	Chậu nhựa	Cái	7	58.000	406.000
+	Chăn len dày	Cái	13	192.500	2.502.500
+	Chổi quét nhà	Cái	38	45.000	1.710.000
+	Chổi lau nhà đa năng hãng HOMEINNO	Cái	11	186.000	2.046.000
+	Bông chổi lau nhà đa năng HOMEINNO	Cái	9	60.000	540.000
+	Chổi cước	Cái	11	37.000	407.000
+	Chổi chà bồn cầu	Cái	4	20.000	80.000
+	Tai chùi chân	Cái	2	53.000	106.000
+	Xúc rác	Cái	5	33.000	165.000
+	Khăn lau tay thô cầm (D70cm, rộng 30cm)	Cái	33	20.000	660.000
+	Khăn trải bàn vuông (D1,6, R1,6 m -màu đỏ)	Cái	6	60.000	360.000
TỔNG CỘNG					55.320.000

* Tổng số Chi phí mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú cả năm học là 55.320.000 đồng. Như vậy dự kiến chi phí tổ chức bán trú tính cho mỗi học sinh như sau:

- Học sinh lớp đầu cấp học- Nhóm nhà trẻ: 160.000 đồng/ học sinh x 145 học sinh = 23.200.000 đồng
- Học sinh các nhóm lớp Mẫu giáo: 110.000 đồng/ học sinh x 292 học sinh = 32.120.000 đồng

B. KINH PHÍ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TĂNG CƯỜNG:

1 Dạy học tiếng anh:

TT	Nội dung dự kiến thu	Số tiền/ tiết học	Số tiết học	Tổng số tiền/ học sinh/ năm học
1	Thu tiền để thực hiện chương trình làm quen Tiếng anh cho học sinh khối Bé, Nhỡ, Lớn: Mỗi tuần 2 tiết. Dự kiến học 70 tiết/ năm học (Giáo viên là người Việt Nam dạy)	22.000	56	1.232.000
1	Thu tiền để thực hiện chương trình làm quen Tiếng anh cho học sinh khối Bé, Nhỡ, Lớn: Mỗi tuần 2 tiết. Dự kiến học 70 tiết/ năm học (Giáo viên là người	40.000	14	560.000

2 Dạy học năng khiếu: Múa

TT	Nội dung dự kiến thu	Số tiền/ tiết học	8 tiết / học sinh/ tháng	Tổng số tiền/ học sinh/ năm học
	Thu tiền để thực hiện chương trình phát triển năng khiếu Múa cho học sinh lớp Bé, Nhỡ, Lớn: Mỗi tuần 2 tiết. Dự kiến học 64 tiết/ năm học	16.000	8	1.024.000

Diễn Trường, ngày 15 tháng 9 năm 2025



PHỤ TRÁCH CSVC

KẾ TOÁN

ĐẠI DIỆN HỘI CHA MẸ HS

Phạm Thị Lệ Thủy

Hồ Thị Thúy

Trần Thị Như Lê

Chu Song Hào

PHỤ TRÁCH BÁN TRÚ

TRƯỞNG BAN TTND

ĐẠI DIỆN TÒ CM